TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 7 – 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt.

2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, Thành phố C.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Chị Nguyễn Thị Huyền T có mặt, anh Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Thanh T kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 18/10/2011. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Thanh T được xây dựng trên cơ sở quen biết tự tìm hiểu và kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong các quyết định về gia đình, công việc và tình cảm, vợ chồng hay cự cãi. Nguyên nhân do anh T tham gia chơi cá cược bóng đá dẫn đến nợ nần, trong sinh hoạt hàng ngày anh T thường hay cự cãi với mẹ vợ, khó khăn về quản lý tiền bạc gia đình và gia trưởng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Chị Nguyễn Thị Huyền T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thiên T, sinh ngày 05/3/2012 (Hiện đang sống chung với chị T). Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Sổ hộ khẩu (Bản sao chứng thực); Căn cước công dân của chị Nguyễn Thị Huyền T (Bản sao); Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính); Giấy khai sinh của Nguyễn Thiên T (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Bản khai của chị Nguyễn Thị Huyền T (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Xét thấy, chị T và anh T kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 18/10/2011, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống chị T, anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp trong cuộc sống. Nguyên nhân do anh T tham gia chơi cá cược bóng đá dẫn đến nợ nần, trong sinh hoạt hàng ngày anh T thường hay cự cãi với mẹ vợ, khó khăn về quản lý tiền bạc gia đình và gia trưởng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân chị T, anh T có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, chị T xác định, chị T và anh T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị Huyền T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thiên T, sinh ngày 05/3/2012, không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng cho con.

Xét thấy, kể từ khi chị T và anh T sống ly thân, chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, chị T xác định, hiện nay có việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Cũng như tại bản khai ngày 06/6/2022 cháu Nguyễn Thiên T có nguyện vọng được sống chung với chị T. Do đó, để tránh việc thay đổi môi T sống, để đảm bảo cho cháu T phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng. Vì vậy, chị T yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thiên T, sinh ngày 05/3/2012 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Huyền T không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Huyền T xác định là không có, không yêu cầu giải quyết. Anh T không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T.

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Thiên T, sinh ngày 05/3/2012, cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Chị T và anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0010123 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Thị Huyền T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Trung